

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

## Môn NGỮ VĂN

## I. MỤC TIÊU

Môn Ngữ văn ở Trung học cơ sở nhằm giúp học sinh:

1. Có những kiến thức phổ thông, cơ bản, hiện đại về văn học và tiếng Việt, bao gồm: kiến thức về những tác phẩm, đoạn trích tiêu biểu cho một số thể loại cơ bản của văn học Việt Nam và một số tác phẩm, trích đoạn văn học nước ngoài; kiến thức sơ giản về lịch sử văn học và một số khái niệm lí luận văn học thông dụng; kiến thức về các đơn vị tiêu biểu của tiếng Việt (đặc điểm và các quy tắc sử dụng); kiến thức về các loại văn bản (đặc điểm, cách thức tiếp nhận và tạo lập).

2. Hình thành và phát triển các năng lực ngữ văn, bao gồm: năng lực sử dụng tiếng Việt thể hiện ở 4 kĩ năng cơ bản (đọc, viết, nghe, nói); năng lực tiếp nhận văn học, cảm thụ thẩm mĩ; năng lực tự học và năng lực thực hành, ứng dụng.

3. Có tình yêu tiếng Việt, văn học, văn hóa; tình yêu gia đình, thiên nhiên, đất nước; lòng tự hào dân tộc; ý chí tự lập, tự cường; lí tưởng xã hội chủ nghĩa; tinh thần dân chủ, nhân văn; ý thức trách nhiệm công dân, tinh thần hữu nghị và hợp tác quốc tế; ý thức tôn trọng, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại.

## II. NỘI DUNG

## 1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
6	4	35	140
7	4	35	140

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
8	4	35	140
9	5	35	175
Cộng (toàn cấp)		140	595

## 2. Nội dung dạy học từng lớp

### LỚP 6

$$4 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 140 \text{ tiết}$$

#### 1. Tiếng Việt

##### 1.1. Từ vựng

- Từ đơn và từ phức; các loại từ phức: từ ghép và từ láy.
- Từ mượn; từ Hán Việt.
- Nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
- Các lỗi thường gặp về từ và cách sửa lỗi.

##### 1.2. Ngữ pháp

- Danh từ, động từ, tính từ và các từ loại đi kèm (số từ, lượng từ, chỉ từ, phó từ).
- Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.
- Các thành phần ngữ pháp của câu: phân biệt thành phần chính, thành phần phụ; chủ ngữ, vị ngữ.
- Sửa lỗi về vị ngữ và chủ ngữ.
- Câu trần thuật đơn.
- Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

### 1.3. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ

Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ.

### 1.4. Hoạt động giao tiếp

Sơ lược về giao tiếp, các nhân tố giao tiếp.

## 2. Tập làm văn

### 2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản

- Khái quát về văn bản: khái niệm văn bản.
- Mục đích giao tiếp, kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản.

### 2.2. Các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

#### - Tự sự

+ Đặc điểm của văn bản tự sự; chủ đề, bố cục, sự việc, nhân vật, ngôi kể trong văn tự sự; cách tạo lập bài văn kể chuyện đời thường và kể chuyện tưởng tượng.

+ Thực hành nói: tóm tắt một truyện cổ dân gian; kể lại một truyện cổ dân gian, một câu chuyện có thật được nghe hoặc chứng kiến.

+ Thực hành viết: viết tóm tắt văn bản tự sự; viết đoạn văn tự sự theo chủ đề cho trước; viết bài văn kể lại một truyện dân gian đã học, đã đọc; kể chuyện có thật, kể chuyện sáng tạo.

#### - Miêu tả

+ Đặc điểm của văn bản miêu tả; quan sát, so sánh, nhận xét, tưởng tượng trong văn miêu tả; phương pháp làm văn tả cảnh (tĩnh và động), tả người (chân dung và sinh hoạt).

+ Thực hành nói: luyện tập các kỹ năng quan sát, nhận xét, tưởng tượng, so sánh; trình bày miệng một bài văn tả người, tả cảnh trước tập thể.

+ Thực hành viết: viết đoạn văn miêu tả theo chủ đề cho trước; viết bài văn tả cảnh, tả người.

- *Hành chính - công vụ*

Đặc điểm, cách thức tạo lập đơn thông dụng; viết các loại đơn thông dụng.

### 2.3. Hoạt động ngữ văn

Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ.

## 3. Văn học

### 3.1. Văn bản

- *Văn bản văn học*

+ Truyện dân gian Việt Nam và nước ngoài

Truyện thuyết: *Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng.*

Đọc thêm: *Con Rồng cháu Tiên; Bánh chưng, bánh giầy; Sự tích Hồ Gươm.*

Truyện cổ tích: *Thạch Sanh; Cây bút thần; Em bé thông minh.*

Đọc thêm: *Ông lão đánh cá và con cá vàng.*

Ngụ ngôn: *Ếch ngồi đáy giếng.*

Đọc thêm: *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.*

Truyện cười: *Treo biển.*

Đọc thêm: *Lợn cưới, áo mới.*

+ Truyện trung đại Việt Nam và nước ngoài: *Mẹ hiền dạy con; Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.*



Đọc thêm: *Con hổ có nghĩa*.

+ Truyện hiện đại Việt Nam và nước ngoài: *Đế Mèn phiêu lưu kí* (trích đoạn *Bài học đường đời đầu tiên*) - Tô Hoài; *Đất rừng phương Nam* (trích đoạn *Sông nước Cà Mau*) - Đoàn Giỏi; *Quê nội* (trích đoạn *Vượt thác*) - Võ Quảng; *Bức tranh của em gái tôi* - Tạ Duy Anh; *Buổi học cuối cùng* - A. Đô-đê.

+ Kí hiện đại Việt Nam và nước ngoài: *Cô Tô* - Nguyễn Tuân; *Cây tre* - Thép Mới; *Lao xao* - Duy Khán.

Đọc thêm: *Lòng yêu nước* - I. Ê-ren-bua.

+ Thơ hiện đại Việt Nam: *Lượm* - Tố Hữu; *Đêm nay Bác không ngủ* - Minh Huệ.

Đọc thêm: *Mưa* - Trần Đăng Khoa.

- *Văn bản nhật dụng*

Một số văn bản về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, di tích văn hóa, môi trường.

### 3.2. *Lí luận văn học* (không có bài học riêng)

- Sơ lược về văn bản và văn bản văn học.

- Sơ lược về một số thể loại truyện dân gian, truyện trung đại, truyện và kí hiện đại.

- Khái niệm ngôi kể, cốt truyện, chi tiết, nhân vật.

## LỚP 7

$4 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 140 \text{ tiết}$

### 1. Tiếng Việt

#### 1.1. Từ vựng

- Từ ghép, từ láy.

- Từ phức Hán Việt; sử dụng từ Hán Việt.
- Các lỗi thường gặp về dùng từ và cách sửa lỗi.
- Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.

### **1.2. Ngữ pháp**

- Đại từ, quan hệ từ.
- Thành ngữ.
- Câu rút gọn, câu đặc biệt; câu chủ động, câu bị động.
- Thêm trạng ngữ cho câu, dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu.
- Dấu chấm phẩy, dấu chấm lửng, dấu gạch ngang.

### **1.3. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ**

Các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp ngữ, liệt kê.

## **2. Tập làm văn**

### **2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản**

Liên kết, mạch lạc, bố cục trong văn bản.

### **2.2. Các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt**

#### **- Biểu cảm**

- + Đặc điểm của văn biểu cảm, cách thể hiện tình cảm trong văn biểu cảm, cách tạo lập văn bản biểu cảm.
- + Thực hành nói: trình bày miệng trước tập thể bài văn biểu cảm về sự việc, con người hay tác phẩm văn học.
- + Thực hành viết: viết đoạn văn biểu cảm theo chủ đề cho trước; viết bài văn biểu cảm về một nhân vật hoặc một tác phẩm văn học, một người hoặc một sự việc có thật trong đời sống.

- *Nghị luận*

+ Đặc điểm và cách tạo lập văn bản nghị luận; luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận; nghị luận giải thích và nghị luận chứng minh.

+ Thực hành nói: trình bày miệng trước tập thể bài văn giải thích, chứng minh về một vấn đề gần gũi trong cuộc sống.

+ Thực hành viết: viết đoạn văn nghị luận theo chủ đề cho trước; viết bài văn nghị luận giải thích hoặc chứng minh một vấn đề xã hội, đạo đức, chứng minh một nhận định về tác phẩm trữ tình đã học.

- *Hành chính - công vụ*

Đặc điểm, cách thức tạo lập văn bản kiến nghị và báo cáo; viết văn bản kiến nghị và báo cáo.

### 2.3. Hoạt động ngữ văn

Tập làm thơ lục bát.

## 3. Văn học

### 3.1. Văn bản

- *Văn bản văn học*

+ Truyện và kí Việt Nam 1900 - 1945: *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* - Nguyễn Ái Quốc; *Sóng chết mặc bay* - Phạm Duy Tồn; *Hà Nội băm sáu phố phường* (trích đoạn *Một thứ quà của lúa non: Cốm*) - Thạch Lam; *Thương nhớ mười hai* (trích đoạn *Mùa xuân của tôi*) - Vũ Bằng.

Đọc thêm: *Sài Gòn tôi yêu* - Minh Hương.

+ Ca dao về các chủ đề: tình cảm gia đình; tình yêu quê hương, đất nước, con người; những câu hát than thân; những câu hát châm biếm.

+ Thơ trung đại Việt Nam: Bài thơ *Thần Nam quốc sơn hà*; *Tụng giá hoàn kinh sư* - Trần Quang Khải; *Côn Sơn ca* hoặc *Ngôn chí*, số 20 - Nguyễn Trãi; *Bánh trôi nước* - Hồ Xuân Hương; *Qua Đèo Ngang* - Bà Huyện Thanh Quan; *Bạn đến chơi nhà* - Nguyễn Khuyến.

Đọc thêm: *Thiên Trường vãn vọng* - Trần Nhân Tông; *Chinh phụ ngâm khúc* (trích đoạn *Sau phút chia li*).

+ Thơ Đường: *Tĩnh dạ tứ* - Lý Bạch; *Mao ốc vị thu phong sở phá ca* - Đỗ Phủ; *Hồi hương ngẫu thư* - Hạ Tri Chương.

Đọc thêm: *Vọng Lư sơn bộc bố* - Lý Bạch; *Phong Kiều dạ bạc* - Trương Kế.

+ Thơ hiện đại Việt Nam: *Cảnh khuya*, *Nguyên tiêu* - Hồ Chí Minh; *Tiếng gà trưa* - Xuân Quỳnh.

+ Kịch dân gian Việt Nam: chèo *Quan Âm Thị Kính* (trích đoạn *Nỗi oan hại chồng*).

+ Tục ngữ Việt Nam về các chủ đề thiên nhiên, lao động sản xuất, đời sống, xã hội.

+ Nghị luận hiện đại Việt Nam: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* - Hồ Chí Minh; *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* - Đặng Thai Mai; *Đức tính giản dị của Bác Hồ* - Phạm Văn Đồng; *Ý nghĩa văn chương* - Hoài Thanh.

- *Văn bản nhật dụng*

Một số văn bản về quyền trẻ em, gia đình và xã hội, văn hóa, giáo dục.

### 3.2. *Lí luận văn học* (không có bài học riêng)

- Sơ lược về đặc điểm của các thể loại: thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn (tứ tuyệt, bát cú), thơ lục bát, thơ song thất lục bát.

- Một số khái niệm cơ bản về hình ảnh, nhịp điệu, tiết tấu trong thơ.

## LỚP 8

$$4 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 140 \text{ tiết}$$

### 1. Tiếng Việt

#### 1.1. *Từ vựng*

- Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.

- Từ Hán Việt (không có bài học riêng).

- Trường từ vựng.
- Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.
- Từ tượng thanh, từ tượng hình.

### 1.2. Ngữ pháp

- Tình thái từ, trợ từ, thán từ.
- Câu kể (còn gọi là câu trần thuật), câu cảm (còn gọi là câu cảm thán), câu khiến (còn gọi là câu cầu khiến), câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn), câu phủ định.
- Câu ghép.
- Dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm.

### 1.3. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ

Các biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, nói quá, thay đổi trật tự từ trong câu.

### 1.4. Hoạt động giao tiếp

- Hành động nói.
- Hội thoại.

## 2. Tập làm văn

### 2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản

- Tính thống nhất và hoàn chỉnh của văn bản: thống nhất về chủ đề, hoàn chỉnh về hình thức.
- Bộ cục của văn bản; câu và đoạn văn trong văn bản.
- Chuyển đoạn, tách đoạn và liên kết đoạn văn trong văn bản; sửa các lỗi viết đoạn văn.



## 2.2. Các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

### - Tự sự

+ Tóm tắt văn bản tự sự, các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

+ Thực hành nói: tóm tắt văn bản tự sự; kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe; kể chuyện sáng tạo.

+ Thực hành viết: viết tóm tắt văn bản tự sự; viết đoạn văn, bài văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm theo các ngôi kể khác nhau.

### - Thuyết minh

+ Giới thiệu về văn thuyết minh; các phương pháp thuyết minh; đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh; thuyết minh về một thể loại văn học, một phương pháp, một danh lam thắng cảnh.

+ Thực hành nói: thuyết minh về một thứ đồ dùng, một danh lam thắng cảnh.

+ Thực hành viết: viết đoạn văn, bài văn giới thiệu về một thể loại văn học, một phương pháp, một danh lam thắng cảnh.

### - Nghị luận

+ Triển khai luận điểm, luận cứ trong văn nghị luận; các yếu tố biểu cảm, tự sự, miêu tả trong văn nghị luận.

+ Thực hành nói: thuyết trình trước tập thể bài văn nghị luận về một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học có sử dụng các yếu tố biểu cảm, miêu tả và tự sự.

+ Thực hành viết: viết đoạn văn, bài văn nghị luận về một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học có sử dụng các yếu tố biểu cảm, miêu tả và tự sự.

### - Hành chính - công vụ

Đặc điểm, cách tạo lập văn bản tường trình, thông báo; viết tường trình, thông báo.

## 2.3. Hoạt động ngữ văn

Tập làm thơ bảy chữ (tứ tuyệt hoặc bát cú).

## 3. Văn học

### 3.1. Văn bản

- Văn bản văn học

+ Truyện và kí Việt Nam 1930 - 1945: *Lão Hạc* - Nam Cao; *Tắt đèn* (trích đoạn *Tức nước vỡ bờ*) - Ngô Tất Tố; *Những ngày thơ ấu* (trích đoạn *Trong lòng mẹ*) - Nguyên Hồng; *Tôi đi học* - Thanh Tịnh.

+ Truyện nước ngoài: *Đôn Ki-hô-tê* (trích đoạn *Đánh nhau với cối xay gió*) - Xéc-van-tét; *Cô bé bán diêm* - An-đéc-xen; *Chiếc lá cuối cùng* - O Hen-ri; *Người thầy đầu tiên* (trích đoạn *Hai cây phong*) - Ai-ma-tốp.

+ Thơ Việt Nam 1900 - 1945: *Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác* - Phan Bội Châu; *Đập đá ở Côn Lôn* - Phan Châu Trinh; *Ông đồ* - Vũ Đình Liên; *Nhớ rừng* - Thế Lữ; *Tức cảnh Pác Bó*, *Vọng nguyệt* - Hồ Chí Minh; *Khi con tu hú* - Tố Hữu; *Quê hương* - Tế Hanh.

Đọc thêm: *Hai chữ nước nhà* - Trần Tuấn Khải; *Muốn làm thằng Cuội* - Tản Đà; *Tấu lộ* - Hồ Chí Minh.

+ Kịch nước ngoài: *Trường giả học làm sang* (trích đoạn *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*) - Mô-li-e.

+ Nghị luận trung đại Việt Nam: *Thiên đô chiếu* - Lý Công Uẩn; *Hịch tướng sĩ* - Trần Quốc Tuấn; *Bình Ngô đại cáo* (trích đoạn đầu) - Nguyễn Trãi; *Luận học pháp* - Nguyễn Thiếp.

+ Nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài: *Bản án chế độ thực dân Pháp* (trích: *Thuế máu*) - Nguyễn Ái Quốc; *Ê-min hay Về giáo dục* (trích đoạn *Đi bộ ngao du*) - Ru-xô.

- Văn bản nhật dụng

Một số văn bản về văn hóa, xã hội, dân số, môi trường, tệ nạn xã hội.

### 3.2. *Lí luận văn học* (không có bài học riêng)

- Sơ lược một số đặc điểm của các thể loại chiếu, hịch, cáo, thơ Đường luật, truyện ngắn, nghị luận hiện đại.
- Một số hiểu biết sơ giản về đề tài, chủ đề, cảm hứng yêu nước, cảm hứng nhân đạo.

## LỚP 9

*5 tiết/tuần × 35 tuần = 175 tiết*

### 1. Tiếng Việt

#### 1.1. Từ vựng

- Thuật ngữ.
- Từ Hán Việt (không có bài học riêng).
- Sự phát triển của từ vựng tiếng Việt.
- Trau dồi vốn từ.

#### 1.2. Ngữ pháp

- Khởi ngữ, các thành phần biệt lập trong câu (thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú, thành phần tình thái, thành phần cảm thán).
- Nghĩa tường minh và hàm ý.

#### 1.3. Hoạt động giao tiếp

- Các phương châm hội thoại.
- Xung hô trong hội thoại.
- Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

- Luyện nói: trình bày ý kiến cá nhân trong trao đổi, thảo luận theo các phương châm hội thoại, quy tắc xưng hô trong hội thoại, các nghi thức hội thoại.

## 2. Tập làm văn

### 2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản

- Phép phân tích và tổng hợp.
- Chuyển đoạn, tách đoạn, liên kết đoạn trong văn bản; sửa lỗi về đoạn.

### 2.2. Các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt

- *Tự sự*

+ Miêu tả và miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự; nghị luận trong văn bản tự sự; đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự; người kể chuyện trong văn bản tự sự.

+ Thực hành nói: tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm.

+ Thực hành viết: tóm tắt văn bản tự sự; viết đoạn văn, bài văn tự sự kết hợp với các yếu tố lập luận và miêu tả nội tâm.

- *Nghị luận*

+ Nghị luận về một hiện tượng, sự việc trong đời sống, về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), một bài thơ (hoặc đoạn thơ); cách làm các bài nghị luận về một hiện tượng, sự việc trong đời sống, về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), một bài thơ (hoặc đoạn thơ).

+ Thực hành nói: nghị luận về một hiện tượng, sự việc trong đời sống, về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), một bài thơ (hoặc đoạn thơ).

+ Thực hành viết: viết bài văn nghị luận về một hiện tượng hoặc sự việc trong đời sống, một vấn đề tư tưởng, đạo lí, một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích), một bài thơ (hoặc đoạn thơ).



- *Thuyết minh*

+ Thuyết minh kết hợp với miêu tả và sử dụng các biện pháp nghệ thuật.

+ Thực hành nói: thuyết minh có sử dụng các yếu tố miêu tả và sử dụng các biện pháp nghệ thuật.

+ Thực hành viết: viết bài văn thuyết minh có yếu tố miêu tả và sử dụng các biện pháp nghệ thuật.

- *Hành chính - công vụ*

Đặc điểm và cách tạo lập biên bản, hợp đồng, thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi; viết biên bản, hợp đồng, thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.

### 2.3. *Hoạt động ngữ văn*

Tập làm thơ tám chữ.

## 3. Văn học

### 3.1. *Văn bản*

- *Văn bản văn học*

+ Truyện trung đại Việt Nam: *Truyện kì mạn lục* (trích: *Nam Xương nữ tử truyện*) - Nguyễn Dữ; *Hoàng Lê nhất thống chí* (trích đoạn *Quang Trung đại phá quân Thanh*) - Ngô gia văn phái; *Vũ trung tùy bút* (trích đoạn *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh*) - Phạm Đình Hổ; *Truyện Kiều* (trích đoạn *Chị em Thúy Kiều, Cảnh ngày xuân, Kiều ở lầu Ngưng Bích, Mã Giám Sinh mua Kiều*) - Nguyễn Du; *Lục Vân Tiên* (trích đoạn *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên gặp nạn*) - Nguyễn Đình Chiểu.

+ Truyện Việt Nam sau năm 1945: *Làng* - Kim Lân; *Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long; *Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng; *Những ngôi sao xa xôi* - Lê Minh Khuê.

Đọc thêm: *Bến quê* - Nguyễn Minh Châu.

+ Truyện nước ngoài: *Rô-bin-xơn Cru-xô* (trích đoạn *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang*) - Đ. Đi-phô; *Bố của Xi-mông* - G. Mô-pa-xăng; *Tiếng gọi nơi hoang dã* (trích đoạn *Con chó Bắc*) - G. Lân-đơn; *Cố hương* - Lỗ Tấn.



Đọc thêm: *Thời thơ ấu* (trích đoạn *Những đứa trẻ*) - M. Go-ro-ki.

+ Thơ Việt Nam sau năm 1945: *Đồng chí* - Chính Hữu; *Đoàn thuyền đánh cá* - Huy Cận; *Bếp lửa* - Bằng Việt; *Ánh trăng* - Nguyễn Duy; *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật; *Nói với con* - Y Phương; *Viếng lăng Bác* - Viễn Phương; *Mùa xuân nho nhỏ* - Thanh Hải; *Sang thu* - Hữu Thỉnh.

Đọc thêm: *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* - Nguyễn Khoa Điềm; *Con cò* - Chế Lan Viên.

+ Thơ trữ tình nước ngoài hiện đại: *Mây và sóng* - R.Ta-go.

+ Kịch hiện đại Việt Nam: *Bắc Sơn* (trích hồi bốn) - Nguyễn Huy Tưởng; *Tôi và chúng ta* (trích cảnh ba) - Lưu Quang Vũ.

+ Nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài: *Tiếng nói của văn nghệ* - Nguyễn Đình Thi; *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* - Vũ Khoan; *Bàn về đọc sách* - Chu Quang Tiềm.

- *Văn bản nhật dụng*

Một số văn bản về quyền con người, chiến tranh và hòa bình, hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

### 3.2. Lịch sử văn học và lí luận văn học

- Sơ lược về văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử.

- Sơ lược về một số tác giả tiêu biểu của văn học Việt Nam.

- Sơ lược đặc điểm thể loại của truyện truyền kì, truyện chương hồi, truyện thơ, truyện hiện đại, thơ tự do, thơ hiện đại, kịch hiện đại, nghị luận chính trị - xã hội và nghị luận văn học (không có bài học riêng).

## 4. Ôn tập cuối cấp

### 4.1. Tiếng Việt

Tổng kết những kiến thức và kĩ năng cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ và các biện pháp tu từ đã học trong chương trình.

#### 4.2. Tập làm văn

Tổng kết đặc điểm và cách làm các kiểu bài văn tự sự, thuyết minh, nghị luận đã học trong chương trình.

#### 4.3. Văn học

- Tổng kết một số nét lớn về văn học Việt Nam: các bộ phận hợp thành, tiến trình lịch sử, nét nổi bật về giá trị tư tưởng và một số thể loại văn học.

- Tổng kết giá trị nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm thơ, văn xuôi Việt Nam và các văn bản nhật dụng đã học trong chương trình.

- Tổng kết những nét lớn về văn học nước ngoài đã học trong chương trình.

- Hệ thống hóa một số khái niệm văn học thường gặp trong phân tích văn bản văn học.

### III. CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

#### LỚP 6

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>1. Tiếng Việt</b>		
<b>1.1. Từ vựng</b>		
- <i>Cấu tạo từ</i>	- Hiểu vai trò của tiếng trong cấu tạo từ. - Hiểu thế nào là từ đơn, từ phức.	Nhận biết các từ đơn, từ phức; các loại từ phức: từ ghép, từ láy trong văn bản.
- <i>Các lớp từ</i>	- Hiểu thế nào là từ mượn. - Biết cách sử dụng từ mượn trong nói và viết.	Nhận biết các từ mượn trong văn bản.
	- Hiểu thế nào là từ Hán Việt. - Hiểu nghĩa và biết cách sử dụng một số từ Hán Việt thông dụng.	- Nhận biết từ Hán Việt thông dụng trong văn bản. - Biết nghĩa 50 yếu tố Hán Việt thông dụng xuất hiện nhiều trong các văn bản học ở lớp 6.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
- Nghĩa của từ	- Hiểu thế nào là nghĩa của từ. - Biết tìm hiểu nghĩa của từ trong văn bản và giải thích nghĩa của từ.  - Biết dùng từ đúng nghĩa trong nói và viết và sửa các lỗi dùng từ.	- Nhận biết cách giải thích nghĩa của các từ trong phần chú thích của sách giáo khoa. - Biết giải thích nghĩa của các từ thông dụng bằng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa và bằng cách trình bày khái niệm (miêu tả sự vật, hiện tượng) mà từ biểu thị.
	- Hiểu thế nào là hiện tượng nhiều nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ nhiều nghĩa. - Biết đặt câu với nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa.	Nhận biết và sử dụng được từ nhiều nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa.
<b>1.2. Ngữ pháp</b> - Từ loại	- Hiểu thế nào là danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, chỉ từ, phó từ. - Biết sử dụng các từ loại đúng nghĩa và đúng ngữ pháp trong nói và viết.	- Nhớ đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp của các từ loại. - Nhận biết các từ loại trong văn bản.
	- Hiểu thế nào là tiểu loại danh từ (danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật, danh từ chung và danh từ riêng), tiểu loại động từ (động từ tình thái và động từ chỉ hành động, trạng thái), tiểu loại tính từ (tính từ chỉ đặc điểm tương đối và tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối).	- Nhớ đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa của các tiểu loại. - Nhận biết các tiểu loại danh từ, động từ, tính từ trong văn bản. - Nhớ quy tắc và biết viết hoa các danh từ riêng.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
- <i>Cụm từ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.</li> <li>- Biết cách sử dụng các cụm từ trong nói và viết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được cấu tạo và chức năng ngữ pháp của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.</li> <li>- Nhận biết cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ trong văn bản.</li> </ul>
- <i>Câu</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là thành phần chính và thành phần phụ của câu.</li> <li>- Hiểu thế nào là chủ ngữ và vị ngữ.</li> <li>- Biết cách chữa các lỗi về chủ ngữ, vị ngữ trong câu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được thành phần chính và thành phần phụ của câu.</li> <li>- Nhận biết chủ ngữ và vị ngữ trong câu đơn.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là câu trần thuật đơn.</li> <li>- Biết các kiểu câu trần thuật đơn thường gặp.</li> <li>- Biết cách sử dụng câu trần thuật đơn trong nói và viết, đặc biệt là trong viết văn tự sự, miêu tả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ đặc điểm ngữ pháp và chức năng của câu trần thuật đơn.</li> <li>- Nhận biết câu trần thuật đơn trong văn bản.</li> <li>- Xác định được chức năng của một số kiểu câu trần thuật đơn thường gặp trong các truyện dân gian.</li> </ul>
- <i>Dấu câu</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu công dụng của một số dấu câu: dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.</li> <li>- Biết cách sử dụng dấu câu trong viết văn tự sự, miêu tả.</li> <li>- Biết các lỗi thường gặp và cách chữa các lỗi về dấu câu.</li> </ul>	Giải thích được cách sử dụng dấu câu trong văn bản.



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>1.3. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ.</li> <li>- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ trong văn bản.</li> <li>- Biết cách sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ trong nói và viết.</li> </ul>	
<b>1.4. Hoạt động giao tiếp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là hoạt động giao tiếp.</li> <li>- Nhận biết và hiểu vai trò của các nhân tố chi phối một cuộc giao tiếp.</li> <li>- Biết vận dụng những kiến thức trên vào thực tiễn giao tiếp của bản thân.</li> </ul>	Biết vai trò của nhân vật giao tiếp, đối tượng giao tiếp, phương tiện giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp trong hoạt động giao tiếp.
<b>2. Tập làm văn</b>		
<b>2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản</b>		
- <b>Khái quát về văn bản</b>	Hiểu thế nào là văn bản.	Trình bày được định nghĩa về văn bản; nhận biết văn bản nói và văn bản viết.
- <b>Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu mối quan hệ giữa mục đích giao tiếp với kiểu văn bản và phương thức biểu đạt.</li> <li>- Hiểu thế nào là văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, lập luận, thuyết minh và hành chính - công vụ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết lựa chọn kiểu văn bản phù hợp với mục đích giao tiếp.</li> <li>- Nhận biết từng kiểu văn bản qua các ví dụ.</li> </ul>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>2.2. Các kiểu văn bản</b></p> <p>- <i>Tự sự</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là văn bản tự sự.</li> <li>- Hiểu thế nào là chủ đề, sự việc và nhân vật, ngôi kể trong văn bản tự sự.</li> <li>- Nắm được bố cục, thứ tự kể, cách xây dựng đoạn và lời văn trong bài văn tự sự.</li> <li>- Biết vận dụng những kiến thức về văn bản tự sự vào đọc - hiểu tác phẩm văn học.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn kể chuyện có thật được nghe hoặc chứng kiến và kể chuyện tưởng tượng sáng tạo.</li> <li>- Biết trình bày miệng tóm lược hay chi tiết một truyện cổ dân gian, một câu chuyện có thật được nghe hoặc chứng kiến.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm của văn bản tự sự, lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>- Biết viết đoạn văn có độ dài khoảng 70 - 80 chữ tóm tắt một truyện cổ dân gian hoặc kể chuyện theo chủ đề cho sẵn; bài văn có độ dài khoảng 300 chữ kể chuyện có thật đã được nghe hoặc chứng kiến và kể chuyện sáng tạo (thay đổi ngôi kể, cốt truyện, kết thúc).</li> </ul>
<p>- <i>Miêu tả</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là văn bản miêu tả, phân biệt được sự khác nhau giữa văn bản tự sự và văn bản miêu tả.</li> <li>- Hiểu thế nào là các thao tác quan sát, nhận xét, tưởng tượng, so sánh và vai trò của chúng trong viết văn miêu tả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm của văn bản miêu tả, lấy được ví dụ minh họa.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được bố cục, thứ tự miêu tả, cách xây dựng đoạn và lời văn trong bài văn miêu tả.</li> <li>- Biết vận dụng những kiến thức về văn bản miêu tả vào đọc - hiểu tác phẩm văn học.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn tả cảnh, tả người.</li> <li>- Biết trình bày miệng một bài văn tả người, tả cảnh trước tập thể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết viết đoạn văn miêu tả có độ dài khoảng 70 - 80 chữ theo các chủ đề cho trước; bài văn có độ dài khoảng 300 chữ tả cảnh (tĩnh và động), tả đồ vật, loài vật, tả người (chân dung và sinh hoạt).</li> </ul>
- Hành chính - công vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu mục đích, đặc điểm của đơn.</li> <li>- Biết cách viết các loại đơn thường dùng trong đời sống.</li> </ul>	
<b>2.3. Hoạt động ngữ văn</b>	Hiểu thế nào là thơ bốn chữ, năm chữ.	Biết cách gieo vần, tạo câu, ngắt nhịp thơ bốn chữ, năm chữ.
<b>3. Văn học</b>		
<b>3.1. Văn bản</b> - Văn bản văn học + Truyện dân gian Việt Nam và nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của một số truyền thuyết Việt Nam tiêu biểu (<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh; Thánh Gióng; Con Rồng cháu Tiên; Bánh chưng, bánh giầy; Sự tích Hồ Gươm</i>): phản ánh hiện thực đời</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu và ý nghĩa của từng truyện: giải thích nguồn gốc giống nòi (<i>Con Rồng cháu Tiên</i>); giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội (<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh; Bánh</i></li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>sống, lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, khát vọng chinh phục tự nhiên, cách sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo.</p> <p>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của một số truyện cổ tích Việt Nam và nước ngoài (<i>Thạch Sanh; Cây bút thần; Ông lão đánh cá và con cá vàng; Em bé thông minh</i>): mâu thuẫn trong đời sống; khát vọng về sự chiến thắng của cái thiện, về công bằng, hạnh phúc của nhân dân lao động, về phẩm chất và năng lực kì diệu của một số kiểu nhân vật; nghệ thuật kì ảo, kết thúc có hậu.</p> <p>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của một số truyện ngụ ngôn Việt Nam (<i>Ếch ngồi đáy giếng; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng</i>): các bài học, lời giáo huấn về đạo lí và lối sống, nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, mượn chuyện loài vật, đồ vật để nói chuyện con người.</p> <p>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung gây cười, ý nghĩa phê phán và nghệ thuật</p>	<p><i>chung, bánh giầy</i>); khát vọng độc lập và hòa bình (<i>Thánh Gióng; Sự tích Hồ Gươm</i>).</p> <p>- Nhận biết nghệ thuật sử dụng các yếu tố hoang đường, mối quan hệ giữa các yếu tố hoang đường với sự thực lịch sử.</p> <p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và những đặc sắc nghệ thuật của từng truyện cổ tích về kiểu nhân vật dũng sĩ tiêu diệt cái ác (<i>Thạch Sanh</i>), nhân vật có tài năng kì lạ (<i>Cây bút thần</i>), nhân vật thông minh mang trí tuệ nhân dân (<i>Em bé thông minh</i>).</p> <p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện và những đặc sắc nghệ thuật khi đúc kết các bài học về sự đoàn kết, hợp tác (<i>Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng</i>), về cách nhìn sự vật một cách khách quan, toàn diện (<i>Ếch ngồi đáy giếng</i>).</p>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>châm biếm sắc sảo của truyện cười Việt Nam (<i>Treo biển; Lợn cưới, áo mới</i>).</p> <p>- Kể lại tóm tắt hoặc chi tiết các truyện dân gian được học.</p> <p>- Bước đầu biết nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn không được học trong chương trình.</p>	
<p>+ <i>Truyện trung đại Việt Nam và nước ngoài</i></p>	<p>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của một số truyện trung đại có nội dung đơn giản, dễ hiểu (<i>Mẹ hiền dạy con; Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng; Con hổ có nghĩa</i>): quan điểm đạo đức nhân nghĩa, cốt truyện ngắn gọn, cách xây dựng nhân vật đơn giản, cách sắp xếp tình tiết, sự kiện hợp lí, ngôn ngữ súc tích.</p> <p>- Biết kể lại tóm tắt hoặc chi tiết các truyện trung đại được học.</p> <p>- Bước đầu biết đọc - hiểu các truyện trung đại theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và những đặc sắc nghệ thuật của từng truyện: cách ghi chép sự việc, tái hiện sự kiện (<i>Mẹ hiền dạy con; Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng</i>); nghệ thuật hư cấu (<i>Con hổ có nghĩa</i>).</p>
<p>+ <i>Truyện hiện đại Việt Nam và nước ngoài</i></p>	<p>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm (hoặc trích đoạn) truyện hiện đại Việt Nam và nước ngoài (<i>Bài học đường đời đầu tiên - Tô Hoài; Sông nước Cà Mau - Đoàn Giỏi; Vượt thác - Võ Quảng; Bức</i></p>	<p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa giáo dục của từng truyện: lời sống vì mọi người, ý thức tự phê phán (<i>Bài học đường đời đầu tiên; Bức tranh của em gái tôi</i>); tình yêu thiên nhiên, đất nước (<i>Sông nước Cà Mau; Vượt</i></p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p><i>tranh của em gái tôi</i> - Tạ Duy Anh; <i>Buổi học cuối cùng</i> - A. Đô- đê): những tình cảm, phẩm chất tốt đẹp; nghệ thuật miêu tả, kể chuyện, xây dựng nhân vật, cách chọn lọc và sắp xếp chi tiết, ngôn ngữ sinh động.</p> <p>- Biết kể lại tóm tắt hoặc chi tiết các truyện hiện đại được học.</p> <p>- Bước đầu biết đọc - hiểu các truyện hiện đại theo đặc trưng thể loại.</p>	<p><i>thác</i>), tình yêu đất nước và ngôn ngữ dân tộc (<i>Buổi học cuối cùng</i>).</p> <p>- Nhận biết và hiểu vai trò của các yếu tố miêu tả trong các truyện được học.</p> <p>- Nhớ được một số chi tiết đặc sắc trong các truyện được học.</p>
<p>+ <i>Kí hiện đại Việt Nam và nước ngoài</i></p>	<p>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của các bài kí hiện đại Việt Nam và nước ngoài (<i>Cô Tô</i> - Nguyễn Tuân; <i>Cây tre</i> - Thép Mới; <i>Lao xao</i> - Duy Khán; <i>Lòng yêu nước</i> - I. Ê-ren-bua): tình yêu thiên nhiên, đất nước, nghệ thuật miêu tả và biểu cảm tinh tế, ngôn ngữ gợi cảm.</p> <p>- Bước đầu biết đọc - hiểu các bài kí hiện đại theo đặc trưng thể loại.</p>	<p>- Nhớ được những nét đặc sắc của từng bài kí: vẻ đẹp của cảnh vật và cuộc sống con người ở vùng đảo (<i>Cô Tô</i>), vẻ đẹp và giá trị của cây tre trong đời sống Việt Nam (<i>Cây tre</i>), sự phong phú và vẻ đẹp của các loài chim ở làng quê Việt Nam (<i>Lao xao</i>), nguồn gốc thân thuộc, bình dị của lòng yêu nước (<i>Lòng yêu nước</i>).</p> <p>- Nhận biết và hiểu vai trò của các yếu tố miêu tả, cách thể hiện cảm xúc trong bài kí hiện đại.</p> <p>- Nhớ được một số câu văn hay trong các bài kí được học.</p>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
+ <i>Thơ hiện đại Việt Nam</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ hiện đại Việt Nam có nhiều yếu tố miêu tả và tự sự (<i>Lượm</i> - Tố Hữu; <i>Đêm nay Bác không ngủ</i> - Minh Huệ; <i>Mưa</i> - Trần Đăng Khoa).</li> <li>- Bước đầu biết đọc - hiểu các bài thơ theo đặc trưng thể loại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ được sự giản dị của ngôn ngữ và hình ảnh thơ, nghệ thuật tả người, cách thể hiện tình cảm (<i>Đêm nay Bác không ngủ</i>; <i>Lượm</i>), sự trong sáng của ngôn ngữ và cách tả cảnh thiên nhiên (<i>Mưa</i>).</li> <li>- Nhận biết và hiểu vai trò của các yếu tố tự sự, miêu tả trong các bài thơ được học.</li> <li>- Thuộc lòng những đoạn thơ hay trong các bài thơ được học.</li> </ul>
- <i>Văn bản nhật dụng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu, cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của một số văn bản nhật dụng Việt Nam và nước ngoài đề cập đến môi trường thiên nhiên, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa.</li> <li>- Xác định được thái độ ứng xử đúng đắn với các vấn đề trên.</li> <li>- Bước đầu hiểu thế nào là văn bản nhật dụng.</li> </ul>	
3.2. <i>Lí luận văn học</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước đầu hiểu thế nào là văn bản và văn bản văn học.</li> <li>- Biết một số khái niệm lí luận văn học dùng trong phân tích và tiếp nhận văn học: đề tài, cốt truyện, tình tiết, nhân vật, ngôi kể.</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết một vài đặc điểm thể loại cơ bản của truyện dân gian (truyện thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn), truyện trung đại, truyện và kí hiện đại.	

### LỚP 7

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>1. Tiếng Việt</b>		
<b>1.1. Từ vựng</b> - <i>Cấu tạo từ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu cấu tạo của các loại từ ghép, từ láy và nghĩa của từ ghép, từ láy.</li> <li>- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của việc dùng từ láy trong văn bản.</li> <li>- Hiểu giá trị tượng thanh, gợi hình, gợi cảm của từ láy.</li> <li>- Biết cách sử dụng từ ghép, từ láy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết hai loại từ ghép: từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập, tính chất phân nghĩa của từ ghép chính phụ, tính chất hợp nghĩa của từ ghép đẳng lập.</li> <li>- Biết hai loại từ láy: từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận (láy phụ âm đầu, láy vần).</li> </ul>
- <i>Các lớp từ</i>	- Hiểu thế nào là yếu tố Hán Việt và cách cấu tạo đặc biệt của một số loại từ ghép Hán Việt.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ đặc điểm của từ ghép Hán Việt.</li> <li>- Biết hai loại từ ghép Hán Việt chính: ghép đẳng lập và ghép chính phụ, biết trật tự các yếu tố Hán Việt trong từ ghép chính phụ Hán Việt.</li> </ul>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước đầu biết cách sử dụng từ Hán Việt đúng nghĩa, phù hợp với yêu cầu giao tiếp; tránh lạm dụng từ Hán Việt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa và cách sử dụng từ Hán Việt được chú thích trong các văn bản học ở lớp 7.</li> <li>- Biết nghĩa 50 yếu tố Hán Việt thông dụng xuất hiện nhiều trong các văn bản học ở lớp 7.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nghĩa của từ</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.</li> <li>- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của việc dùng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và chơi chữ bằng từ đồng âm trong văn bản.</li> <li>- Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa, trái nghĩa phù hợp với tình huống và yêu cầu giao tiếp.</li> <li>- Biết sửa lỗi dùng từ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ đặc điểm của từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.</li> <li>- Biết hai loại từ đồng nghĩa: đồng nghĩa hoàn toàn và đồng nghĩa không hoàn toàn.</li> </ul>
<p><b>1.2. Ngữ pháp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Từ loại</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là đại từ, quan hệ từ.</li> <li>- Biết tác dụng của đại từ và quan hệ từ trong văn bản.</li> <li>- Biết cách sử dụng đại từ, quan hệ từ trong khi nói và viết.</li> <li>- Biết các loại lỗi thường gặp và cách sửa các lỗi về đại từ và quan hệ từ.</li> </ul>	<p>Nhận biết đại từ và các loại đại từ: đại từ để trò, đại từ để hỏi.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
- <i>Cụm từ</i>	- Hiểu thế nào là thành ngữ. - Hiểu nghĩa và bước đầu phân tích được giá trị của việc dùng thành ngữ trong văn bản. - Biết cách sử dụng thành ngữ trong nói và viết.	Nhớ đặc điểm của thành ngữ, lấy được ví dụ minh họa.
- <i>Các loại câu</i>	- Hiểu thế nào là câu rút gọn và câu đặc biệt. - Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của việc dùng câu rút gọn và câu đặc biệt trong văn bản. - Biết cách sử dụng câu rút gọn và câu đặc biệt trong nói và viết.	Nhớ đặc điểm của câu rút gọn và câu đặc biệt.
	- Hiểu thế nào là câu chủ động và câu bị động.  - Biết cách chuyển đổi câu chủ động và câu bị động theo mục đích giao tiếp.	- Nhớ đặc điểm của câu chủ động và câu bị động. - Nhận biết câu chủ động và câu bị động trong các văn bản.
- <i>Biến đổi câu</i>	- Hiểu thế nào là trạng ngữ.  - Biết biến đổi câu bằng cách tách thành phần trạng ngữ trong câu thành câu riêng.	- Nhớ đặc điểm và công dụng của trạng ngữ. - Nhận biết trạng ngữ trong câu.
	- Hiểu thế nào là dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu. - Biết mở rộng câu bằng cách chuyển các thành phần nòng cốt câu thành cụm chủ - vị.	Nhận biết các cụm chủ - vị làm thành phần câu trong văn bản.



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
- <i>Dấu câu</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu công dụng của một số dấu câu: dấu chấm phẩy, dấu chấm lửng, dấu gạch ngang.</li> <li>- Biết sử dụng các dấu câu phục vụ yêu cầu biểu đạt, biểu cảm.</li> <li>- Biết các loại lỗi thường gặp về dấu câu và cách sửa chữa.</li> </ul>	Giải thích được cách sử dụng dấu chấm phẩy, dấu chấm lửng, dấu gạch ngang trong văn bản.
<b>1.3. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ:</b> <i>Các biện pháp tu từ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là chơi chữ, điệp ngữ, liệt kê và tác dụng của các biện pháp tu từ đó.</li> <li>- Biết cách vận dụng các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp ngữ, liệt kê vào thực tiễn nói và viết.</li> </ul>	Nhận biết và hiểu giá trị của biện pháp tu từ chơi chữ, điệp ngữ, liệt kê trong văn bản.
<b>2. Tập làm văn</b>		
<b>2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản:</b> <i>Liên kết, mạch lạc và bố cục trong văn bản</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là liên kết, mạch lạc, bố cục và vai trò của chúng trong văn bản.</li> <li>- Biết các bước tạo lập một văn bản: định hướng, lập đề cương, viết, đọc lại và sửa chữa văn bản.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn có bố cục, mạch lạc và sự liên kết chặt chẽ.</li> <li>- Biết vận dụng các kiến thức về liên kết, mạch lạc, bố cục vào đọc - hiểu văn bản và thực tiễn nói.</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>2.2. Các kiểu văn bản</b></p> <p>- <i>Biểu cảm</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là văn biểu cảm.</li> <li>- Biết cách vận dụng những kiến thức về văn biểu cảm vào đọc - hiểu văn bản.</li> <li>- Hiểu vai trò của các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.</li> <li>- Nắm được bố cục, cách thức xây dựng đoạn và lời văn trong bài văn biểu cảm.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn biểu cảm.</li> <li>- Biết trình bày cảm nghĩ về một sự vật, sự việc hoặc con người có thật trong đời sống; về một nhân vật, một tác phẩm văn học đã học.</li> </ul>	<p>Trình bày đặc điểm văn biểu cảm, lấy được ví dụ minh họa.</p> <p>Biết viết đoạn văn có độ dài khoảng 70 - 80 chữ, bài văn có độ dài khoảng 300 chữ phát biểu cảm nghĩ về một sự vật, sự việc hoặc con người có thật trong đời sống; về một nhân vật, một tác phẩm văn học đã học.</p>
<p>- <i>Nghị luận</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là văn nghị luận.</li> <li>- Hiểu vai trò của luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn nghị luận.</li> <li>- Nắm được bố cục, phương pháp lập luận, cách thức xây dựng đoạn và lời văn trong bài văn nghị luận giải thích và chứng minh.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn nghị luận.</li> </ul>	<p>- Trình bày đặc điểm văn bản nghị luận, lấy được ví dụ minh họa.</p> <p>- Biết viết đoạn văn nghị luận có độ dài khoảng 70 - 80 chữ, bài văn nghị luận có độ dài khoảng 300 chữ giải thích, chứng minh một vấn đề xã hội, văn học đơn giản, gần gũi với học sinh lớp 7.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết trình bày miệng bài văn giải thích, chứng minh một vấn đề xã hội, văn học đơn giản, gần gũi.	
- <i>Hành chính - công vụ</i>	- Hiểu thế nào là văn bản kiến nghị và văn bản báo cáo. - Nắm được bố cục và cách thức tạo lập văn bản kiến nghị và văn bản báo cáo. - Biết viết kiến nghị và báo cáo thông dụng theo mẫu.	Trình bày đặc điểm, phân biệt sự khác nhau giữa văn bản kiến nghị và văn bản báo cáo.
<b>2.3. Hoạt động ngữ văn</b>	Hiểu thế nào là thơ lục bát.	Biết cách gieo vần, tạo câu, ngắt nhịp của thơ lục bát.
<b>3. Văn học</b>		
<b>3.1. Văn bản</b> - <i>Văn bản văn học</i> + <i>Truyện Việt Nam 1900 - 1945</i>	Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số truyện ngắn hiện đại Việt Nam ( <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> - Nguyễn Ái Quốc; <i>Sống chết mặc bay</i> - Phạm Duy Tồn): hiện thực xã hội thực dân nửa phong kiến xấu xa, tàn bạo, nghệ thuật tự sự hiện đại, cách sử dụng từ ngữ mới mẻ, sinh động.	Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và nét đặc sắc của từng truyện: tố cáo đời sống cùng cực của người dân, sự vô trách nhiệm của bọn quan lại, cách sử dụng phép tăng cấp, tương phản ( <i>Sống chết mặc bay</i> ); tố cáo sự gian dối, bất lương của chính quyền thực dân Pháp và giọng văn châm biếm sắc sảo ( <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> ).
+ <i>Kí Việt Nam 1900 - 1945</i>	- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số bài (hoặc trích	- Nhớ được chủ đề, cảm hứng chủ đạo, ý nghĩa và nét đặc sắc của từng bài: niềm tự hào về một



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	đoạn) tùy bút hiện đại Việt Nam ( <i>Một thứ quà của lúa non: Cốm</i> ) - Thạch Lam; <i>Mùa xuân của tôi</i> - Vũ Bằng; <i>Sài Gòn tôi yêu</i> - Minh Hương): tình yêu thiên nhiên, đất nước, nghệ thuật biểu cảm, ngôn ngữ tinh tế. - Nhận biết những cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc đan xen với kể, tả trong các bài tùy bút.	thứ quà mang nét đẹp văn hóa, giọng văn tinh tế, nhẹ nhàng ( <i>Một thứ quà của lúa non: Cốm</i> ); ngòi bút tả cảnh tài hoa ( <i>Sài Gòn tôi yêu; Mùa xuân của tôi</i> ). - Nhớ được những câu văn hay trong các văn bản.
+ <i>Thơ dân gian Việt Nam</i>	- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số bài ca dao về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước, những câu hát than thân, châm biếm: đời sống sinh hoạt và tình cảm của người lao động, nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát, cách xưng hô phiếm chỉ, các thủ pháp nghệ thuật thường dùng, cách diễn xướng. - Hiểu khái quát đặc trưng cơ bản của ca dao, phân biệt sự khác nhau giữa ca dao với các sáng tác thơ bằng thể lục bát. - Biết cách đọc - hiểu bài ca dao theo đặc trưng thể loại.	- Đọc thuộc lòng những bài ca dao được học. - Kết hợp với chương trình địa phương: học các bài ca dao của địa phương.
+ <i>Thơ trung đại Việt Nam</i>	- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số bài thơ (hoặc đoạn thơ) trung đại Việt Nam ( <i>Nam quốc sơn hà; Tụng giá hoàn kinh sư</i> - Trần Quang Khải;	- Hiểu nét đặc sắc của từng bài thơ: tình yêu nước, khí phách hào hùng và lòng tự hào dân tộc ( <i>Nam quốc sơn hà; Tụng giá hoàn kinh sư</i> ); tình yêu thiên nhiên, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p><i>Thiên Trường vãn vọng</i> - Trần Nhân Tông; <i>Côn Sơn ca</i> hoặc <i>Ngôn chí</i>, số 20 - Nguyễn Trãi; <i>Bánh trôi nước</i> - Hồ Xuân Hương; <i>Chinh phụ ngâm khúc</i>; <i>Qua Đèo Ngang</i> - Bà Huyện Thanh Quan, <i>Bạn đến chơi nhà</i> - Nguyễn Khuyến): khát vọng và tình cảm cao đẹp, nghệ thuật ước lệ tượng trưng, ngôn ngữ hàm súc.</p> <p>- Nhận biết mối quan hệ giữa tình và cảnh; một vài đặc điểm thể loại của các bài thơ trữ tình trung đại.</p>	<p>(<i>Thiên Trường vãn vọng</i>; <i>Côn Sơn ca</i>; <i>Ngôn chí</i>, số 20); tâm trạng cô đơn, hoài cổ, ngôn ngữ trang nhã (<i>Qua Đèo Ngang</i>); tình bạn thân thiết (<i>Bạn đến chơi nhà</i>); vẻ đẹp và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ (<i>Bánh trôi nước</i>; <i>Chinh phụ ngâm khúc</i>).</p> <p>- Đọc thuộc lòng bản dịch những bài thơ trung đại được học.</p>
+ Thơ Đường	<p>- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số bài thơ Đường (<i>Tình dạ tứ</i>; <i>Vọng Lư sơn bộc bố</i> - Lý Bạch; <i>Mao ốc vị thu phong sở phá ca</i> - Đỗ Phủ; <i>Hồi hương ngẫu thư</i> - Hạ Tri Chương; <i>Phong Kiều dạ bạc</i> - Trương Kế): tình cảm cao đẹp, ngôn ngữ hàm súc.</p> <p>- Bước đầu biết được mối quan hệ giữa tình và cảnh, phép đối trong thơ Đường và một vài đặc điểm của thể thơ tứ tuyệt.</p>	<p>- Hiểu nét đặc sắc của từng bài thơ: tình yêu thiên nhiên, hình ảnh thơ tươi sáng, tráng lệ (<i>Vọng Lư sơn bộc bố</i>); tình yêu quê hương, tứ thơ độc đáo gắn với những tình huống có ý nghĩa (<i>Tình dạ tứ</i>, <i>Hồi hương ngẫu thư</i>); tình cảm nhân đạo cao cả, tâm trạng đau xót trước cuộc đời, sự kết hợp nhuần nhuyễn các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm (<i>Mao ốc vị thu phong sở phá ca</i>).</p> <p>- Nhớ được những hình ảnh thơ hay trong các bài thơ được học.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
+ <i>Thơ hiện đại Việt Nam</i>	Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số bài thơ hiện đại Việt Nam ( <i>Cảnh khuya, Nguyên tiêu</i> - Hồ Chí Minh; <i>Tiếng gà trưa</i> - Xuân Quỳnh): tình yêu thiên nhiên, đất nước, nghệ thuật thể hiện tình cảm, cách sử dụng ngôn ngữ vừa hiện đại vừa bình dị, gợi cảm.	Hiểu nét đặc sắc của từng bài thơ: tình yêu thiên nhiên gắn với tình yêu đất nước và phong thái ung dung, tự tại ( <i>Cảnh khuya, Nguyên tiêu</i> ); sự gắn bó giữa tình yêu đất nước và tình cảm gia đình ( <i>Tiếng gà trưa</i> ).
+ <i>Kịch dân gian Việt Nam</i>	- Hiểu những nét chính về nội dung, tóm tắt được vở chèo <i>Quan Âm Thị Kính</i> . - Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của trích đoạn <i>Nỗi oan hại chồng</i> : thân phận và bi kịch của người phụ nữ nông dân trong xã hội phong kiến, những đặc sắc của nghệ thuật sân khấu chèo truyền thống.	
+ <i>Nghị luận dân gian Việt Nam (Tục ngữ)</i>	- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số câu tục ngữ Việt Nam: dạng nghị luận ngắn gọn, khúc chiết, đúc kết những bài học kinh nghiệm về tự nhiên, xã hội, con người, nghệ thuật sử dụng các biện pháp tu từ, nghệ thuật đối, hiệp vần. - Bước đầu nhận biết được sự khác biệt giữa tục ngữ và thành ngữ.	- Nhớ những câu tục ngữ được học. - Kết hợp với chương trình địa phương: học một số câu tục ngữ ở địa phương.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẢN ĐẠT	GHI CHÚ
+ <i>Nghị luận hiện đại Việt Nam</i>	Hiểu, cảm nhận được nghệ thuật lập luận, cách bố cục chặt chẽ, ngôn ngữ thuyết phục, giàu cảm xúc, ý nghĩa thực tiễn và giá trị nội dung của một số tác phẩm hoặc trích đoạn nghị luận hiện đại Việt Nam bàn luận về những vấn đề xã hội ( <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i> - Hồ Chí Minh; <i>Đức tính giản dị của Bác Hồ</i> - Phạm Văn Đồng) hoặc văn học ( <i>Sự giàu đẹp của tiếng Việt</i> - Đặng Thai Mai; <i>Ý nghĩa văn chương</i> - Hoài Thanh).	Nhớ được những câu nghị luận hay và các luận điểm chính trong các văn bản.
- <i>Văn bản nhật dụng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những tình cảm cao quý, ý thức trách nhiệm đối với trẻ em, phụ nữ, hạnh phúc gia đình, tương lai nhân loại và những đặc sắc về nghệ thuật của một số văn bản nhật dụng đề cập đến các vấn đề văn hóa, giáo dục, quyền trẻ em, gia đình và xã hội.</li> <li>- Xác định được ý thức trách nhiệm của cá nhân với gia đình, xã hội.</li> </ul>	
3.2. <i>Lí luận văn học</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết một số khái niệm lí luận văn học dùng trong phân tích, tiếp nhận văn học: hình ảnh, nhịp điệu, tiết tấu,... trong thơ.</li> <li>- Biết một vài đặc điểm cơ bản của một số thể loại thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn (tứ tuyệt và bát cú), thơ lục bát, thơ song thất lục bát.</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>1. Tiếng Việt</b>		
<b>1.1. Từ vựng</b> - Các lớp từ	- Hiểu thế nào là từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.  - Hiểu được giá trị của từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội trong văn bản. - Biết cách sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội phù hợp với tình huống giao tiếp.	Nhớ đặc điểm của từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.
	- Hiểu nghĩa và cách sử dụng một số từ Hán Việt thông dụng.	- Nhận biết các từ Hán Việt thông dụng trong các văn bản đã học. - Biết nghĩa 50 yếu tố Hán Việt thông dụng xuất hiện nhiều trong các văn bản học ở lớp 8.
- Trường từ vựng	- Hiểu thế nào là trường từ vựng. - Biết cách sử dụng các từ cùng trường từ vựng để nâng cao hiệu quả diễn đạt.	- Nhận biết các từ cùng trường từ vựng trong văn bản. - Biết tập hợp các từ có chung nét nghĩa vào cùng một trường từ vựng.
- Nghĩa của từ	- Hiểu thế nào là cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.	Biết so sánh nghĩa của từ ngữ về cấp độ khái quát.
	- Hiểu thế nào là từ tượng thanh và từ tượng hình.  - Nhận biết từ tượng thanh, từ tượng hình và giá trị của chúng trong văn bản miêu tả.	Nhớ đặc điểm, công dụng của từ tượng thanh và từ tượng hình.



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết cách sử dụng từ tượng thanh, từ tượng hình.	
<b>1.2. Ngữ pháp</b> - Từ loại	- Hiểu thế nào là tình thái từ, trợ từ và thán từ.  - Nhận biết tình thái từ, trợ từ, thán từ và tác dụng của chúng trong văn bản.  - Biết cách sử dụng tình thái từ, trợ từ và thán từ trong nói và viết.	Nhớ đặc điểm và chức năng ngữ pháp của tình thái từ, trợ từ và thán từ.
- Các loại câu	- Hiểu thế nào là câu ghép; phân biệt được câu đơn và câu ghép.  - Biết cách nối các vế câu ghép. - Biết nói và viết đúng các kiểu câu ghép đã được học.	- Nhận biết các loại câu ghép, các phương tiện liên kết các vế câu ghép trong văn bản. - Nhận biết quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép và các phương tiện liên kết các vế câu ghép: quan hệ nguyên nhân, điều kiện, tăng tiến, tương phản, nối tiếp, giải thích.
	- Hiểu thế nào là câu trần thuật, câu cảm thán, câu cầu khiến, câu nghi vấn.  - Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị biểu đạt, biểu cảm của câu trần thuật, câu cảm thán, câu cầu khiến, câu nghi vấn trong văn bản.  - Biết cách nói và viết các loại câu phục vụ những mục đích nói khác nhau.	Nhớ đặc điểm hình thức và các chức năng của câu trần thuật, câu cảm thán, câu cầu khiến, câu nghi vấn.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là câu phủ định.</li> <li>- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị biểu đạt, biểu cảm của câu phủ định trong văn bản.</li> <li>- Biết cách nói và viết câu phủ định.</li> </ul>	Nhớ đặc điểm và chức năng của câu phủ định.
- <i>Dấu câu</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu công dụng của các loại dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm.</li> <li>- Biết cách sử dụng các dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm trong viết câu.</li> <li>- Biết các lỗi và cách sửa các lỗi thường gặp khi sử dụng các dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm.</li> </ul>	Giải thích được cách sử dụng các loại dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm trong văn bản.
<b>1.3. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ:</b> <i>Các biện pháp tu từ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là nói giảm nói tránh, nói quá và sắp xếp trật tự từ trong câu.</li> <li>- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của các biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, nói quá và sắp xếp trật tự từ trong văn bản.</li> <li>- Biết cách sử dụng các biện pháp tu từ nói trên trong những tình huống nói và viết cụ thể.</li> </ul>	
<b>1.4. Hoạt động giao tiếp</b> <i>- Hành động nói</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là hành động nói.</li> <li>- Biết được một số kiểu hành động nói thường gặp: hỏi, trình bày, điều khiển, hứa hẹn, đề nghị, bộc lộ cảm xúc.</li> </ul>	Nhận biết được câu thể hiện hành động nói và mục đích của hành động nói ấy trong văn bản.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết cách thực hiện mỗi hành động nói bằng kiểu câu phù hợp.	
- <i>Hội thoại</i>	- Hiểu thế nào là vai xã hội trong hội thoại.  - Hiểu thế nào là lượt lời và cách sử dụng lượt lời trong giao tiếp.	- Xác định được vai xã hội, chọn cách nói phù hợp với vai xã hội trong khi tham gia hội thoại.  - Biết tôn trọng lượt lời người khác, biết dùng lượt lời hợp lí khi tham gia hội thoại.
<b>2. Tập làm văn</b>		
<b>2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản</b>	- Hiểu thế nào là tính thống nhất về chủ đề của văn bản.  - Hiểu thế nào là bố cục của văn bản.  - Hiểu tác dụng và cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.  - Hiểu thế nào là đoạn văn. Biết triển khai ý trong đoạn văn.  - Biết các lỗi và cách sửa các lỗi thường gặp khi viết đoạn.  - Biết vận dụng những kiến thức về bố cục, liên kết để viết đoạn văn, triển khai bài văn theo những yêu cầu cụ thể.	- Xác định được chủ đề văn bản.  - Biết sắp xếp các đoạn văn trong bài theo một bố cục nhất định.  - Biết liên kết đoạn bằng phương tiện liên kết (từ liên kết và câu nối).  - Nhớ đặc điểm đoạn văn, biết triển khai chủ đề của đoạn bằng phép diễn dịch, quy nạp, song hành, tổng hợp.  - Nhận biết chủ đề, bố cục, cách liên kết, cách trình bày đoạn văn trong các văn bản được học.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>2.2. Các kiểu văn bản</b></p> <p>- <i>Tự sự</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là tóm tắt văn bản tự sự.</li> <li>- Biết cách tóm tắt một văn bản tự sự.</li> <li>- Biết trình bày đoạn, bài văn tóm tắt một tác phẩm tự sự.</li> <li>- Nhận biết và hiểu tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, viết bài văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt sự khác nhau giữa tóm tắt khái quát và tóm tắt chi tiết.</li> <li>- Biết viết đoạn văn có độ dài khoảng 90 chữ, bài văn có độ dài khoảng 450 chữ tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.</li> </ul>
<p>- <i>Thuyết minh</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là văn bản thuyết minh.</li> <li>- Nắm được bố cục và cách thức xây dựng đoạn và lời văn trong bài văn thuyết minh.</li> <li>- Nắm được các phương pháp thuyết minh.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn thuyết minh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ đặc điểm, vai trò, vị trí của văn thuyết minh trong đời sống của con người và các đề tài thuyết minh thường gặp.</li> <li>- Phân biệt văn thuyết minh với văn miêu tả viết về cùng một đề tài.</li> <li>- Biết viết một đoạn văn độ dài khoảng 90 chữ, bài văn độ dài khoảng 300 chữ thuyết minh về một sự vật, một phương pháp, một thể loại văn học, một danh lam thắng cảnh.</li> </ul>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết trình bày miệng bài văn giới thiệu về một sự vật, một danh lam thắng cảnh.	
- <i>Nghị luận</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là luận điểm trong bài văn nghị luận.</li> <li>- Nhận biết và hiểu vai trò của các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm trong văn bản nghị luận.</li> <li>- Nắm được bố cục và cách thức xây dựng đoạn và lời văn trong bài văn nghị luận có yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn nghị luận.</li> <li>- Biết trình bày miệng bài nghị luận về một vấn đề có sử dụng yếu tố biểu cảm, miêu tả, tự sự.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ đặc điểm của luận điểm, quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết và quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận.</li> <li>- Biết viết một đoạn văn độ dài khoảng 90 chữ, bài văn độ dài khoảng 450 chữ nghị luận về một vấn đề chính trị xã hội hoặc văn học có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm.</li> </ul>
- <i>Hành chính - công vụ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là văn bản tường trình, thông báo.</li> <li>- Biết cách viết một bản tường trình, thông báo.</li> <li>- Biết viết văn bản tường trình, thông báo với nội dung thông dụng.</li> </ul>	Nhớ đặc điểm, công dụng của văn bản tường trình, thông báo.
<b>2.3. Hoạt động ngữ văn</b>	Hiểu thế nào là thơ bảy chữ.	Biết cách gieo vần, tạo câu, ngắt nhịp thơ bảy chữ.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>3. Văn học</b>		
<p><b>3.1. Văn bản</b> - Văn bản văn học + <i>Truyện và kí Việt Nam 1930 - 1945</i></p>	<p>- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (hoặc trích đoạn) truyện và kí Việt Nam 1930 - 1945 (<i>Lão Hạc</i> - Nam Cao; <i>Tức nước vỡ bờ</i> - Ngô Tất Tố; <i>Trong lòng mẹ</i> - Nguyên Hồng; <i>Tôi đi học</i> - Thanh Tịnh): hiện thực đời sống con người và xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám; nghệ thuật miêu tả, kể chuyện, xây dựng nhân vật, xây dựng tình huống truyện, sắp xếp tình tiết.</p> <p>- Vận dụng hiểu biết về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự để phân tích truyện.</p> <p>- Biết một số đổi mới về thể loại, đề tài, ngôn ngữ và những đóng góp của truyện và kí Việt Nam 1930 - 1945.</p>	<p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa giáo dục và nét đặc sắc của từng truyện: kỉ niệm tuổi thơ, nghệ thuật miêu tả tâm trạng, ngôn ngữ giàu chất trữ tình (<i>Tôi đi học</i>; <i>Trong lòng mẹ</i>); sự cảm thông sâu sắc với thân phận đau khổ, cùng quẫn của những người nông dân lương thiện, giàu tình cảm, nghệ thuật xây dựng nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động (<i>Lão Hạc</i>; <i>Tức nước vỡ bờ</i>).</p> <p>- Nhớ được những chi tiết đặc sắc trong các văn bản truyện Việt Nam 1930 - 1945 được học.</p> <p>- Kết hợp với chương trình địa phương: học một vài truyện và kí 1930 - 1945 ở địa phương.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
+ <i>Truyện nước ngoài</i>	<p>- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (hoặc trích đoạn) tự sự nước ngoài (<i>Đánh nhau với cối xay gió</i> - Xéc-van-tét; <i>Cô bé bán diêm</i> - An-đéc-xen; <i>Chiếc lá cuối cùng</i> - O Hen-ri; <i>Hai cây phong</i> - Ai-ma-tốp): hiện thực đời sống, xã hội và những tình cảm nhân văn cao đẹp; nghệ thuật miêu tả, kể chuyện và xây dựng tình huống truyện.</p> <p>- Vận dụng hiểu biết về sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản tự sự để đọc - hiểu các truyện.</p> <p>- Biết liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm văn học nước ngoài và văn học Việt Nam đã học.</p>	<p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa giáo dục của từng truyện: lòng cảm thông với nỗi bất hạnh của những người nghèo (<i>Cô bé bán diêm</i>; <i>Chiếc lá cuối cùng</i>); ý nghĩa của cặp nhân vật tương phản (<i>Đánh nhau với cối xay gió</i>); tình yêu quê hương (<i>Hai cây phong</i>).</p> <p>- Nhớ được những chi tiết hay trong các văn bản truyện nước ngoài.</p>
+ <i>Thơ Việt Nam 1900 - 1945</i>	<p>- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong những bài thơ của một số nhà thơ yêu nước, tiên bộ và cách mạng Việt Nam 1900 - 1945 (<i>Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác</i> - Phan Bội Châu; <i>Đập đá ở Côn Lôn</i> - Phan Châu Trinh; <i>Muốn làm thằng Cuội</i> - Tản Đà; <i>Hai chữ nước nhà</i> - Trần Tuấn Khải; <i>Ông đồ</i> - Vũ Đình Liên; <i>Nhớ rừng</i> - Thế Lữ; <i>Quê hương</i> - Tế Hanh; <i>Tức cảnh Pác Bó</i>; <i>Vọng nguyệt</i>; <i>Tấu lộ</i> - Hồ Chí Minh; <i>Khi con tu hú</i> - Tố Hữu).</p>	<p>- Hiểu nét đặc sắc của từng bài thơ: khí phách của người chí sĩ yêu nước, giọng thơ hào hùng (<i>Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác</i>; <i>Đập đá ở Côn Lôn</i>); tình yêu đất nước, giọng thơ thống thiết (<i>Hai chữ nước nhà</i>); nỗi chán ghét thực tại, niềm khao khát tự do; cảm hứng lãng mạn, lòng yêu nước thầm kín (<i>Muốn làm thằng Cuội</i>; <i>Nhớ rừng</i>); sự trân trọng truyền thống văn hóa, nỗi cảm thương lớp nhà nho không hợp thời (<i>Ông đồ</i>); tình yêu quê hương đắm thắm (<i>Quê hương</i>); tình cảm cách mạng, tình</p>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Biết một số đôi mới về thể loại, đề tài, cảm hứng, sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại của thơ Việt Nam 1900 - 1945.</p>	<p>yêu thiên nhiên, phong thái ung dung tự tại (<i>Khi con tu hú; Vọng nguyệt; Túc cảnh Pác Bó; Tấu lộ</i>).</p> <p>- Đọc thuộc lòng các bài thơ được học.</p> <p>- Kết hợp với chương trình địa phương: sưu tầm, tìm hiểu các sáng tác thơ 1900 - 1945 ở địa phương.</p>
<p>+ <i>Kịch cổ điển nước ngoài</i></p>	<p>Hiểu được nội dung phê phán lối sống trưởng giả và bước đầu làm quen với nghệ thuật hài kịch của một trích đoạn kịch cổ điển nước ngoài (<i>Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục</i> - Mô-li-ê).</p>	<p>Chỉ ra được nghệ thuật gây cười làm nổi bật tính cách lỗ lã của một tay trưởng giả học làm sang.</p>
<p>+ <i>Nghị luận trung đại Việt Nam</i></p>	<p>- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (hoặc trích đoạn) nghị luận trung đại (<i>Thiên đô chiếu</i> - Lý Công Uẩn; <i>Hịch tướng sĩ</i> - Trần Quốc Tuấn; <i>Bình Ngô đại cáo</i> - Nguyễn Trãi; <i>Luận học pháp</i> - Nguyễn Thiếp): bàn luận những vấn đề có tính thời sự, có ý nghĩa xã hội lớn lao; nghệ thuật lập luận, cách dùng câu văn biến ngẫu và điển tích, điển cố.</p> <p>- Bước đầu hiểu một vài đặc điểm chính của thể loại chiếu, hịch, cáo, tấu,...</p>	<p>Hiểu nét đặc sắc của từng bài: ý nghĩa trọng đại và sức thuyết phục mạnh mẽ của lời tuyên bố quyết định dời đô (<i>Thiên đô chiếu</i>); tinh thần yêu nước, ý chí quyết thắng kẻ thù (<i>Hịch tướng sĩ</i>); lời văn hào hùng và ý thức dân tộc (<i>Bình Ngô đại cáo</i>); quan điểm tiên bộ khi bàn về mục đích và tác dụng của việc học (<i>Luận học pháp</i>).</p>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
+ <i>Nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài</i>	- Hiểu, cảm nhận được nghệ thuật lập luận, giá trị nội dung và ý nghĩa của các trích đoạn nghị luận hiện đại ( <i>Thuế máu</i> - Nguyễn Ái Quốc; <i>Đi bộ ngao du</i> - Ru-xô).	Hiểu nét đặc sắc của từng bài: tính chiến đấu, nghệ thuật trào phúng sắc sảo khi tố cáo sự giả dối, thủ đoạn tàn nhẫn của chính quyền thực dân Pháp ( <i>Thuế máu</i> ); lời văn nhẹ nhàng, có sức thuyết phục khi bàn về lợi ích, hứng thú của việc đi bộ ngao du ( <i>Đi bộ ngao du</i> ).
- <i>Văn bản nhật dụng</i>	- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các văn bản nhật dụng có đề tài về vấn đề môi trường, văn hóa xã hội, dân số, tệ nạn xã hội, tương lai của đất nước và nhân loại. - Xác định được thái độ ứng xử đúng đắn với các vấn đề trên.	
<b>3.2. Lí luận văn học</b>	- Bước đầu hiểu một số khái niệm lí luận văn học liên quan tới việc đọc - hiểu văn bản trong chương trình: đề tài, chủ đề, cảm hứng nhân đạo, cảm hứng yêu nước. - Bước đầu nhận biết một số đặc điểm cơ bản của các thể loại chiếu, hịch, cáo, thơ Đường luật, truyện ngắn và văn nghị luận hiện đại.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>1. Tiếng Việt</b>		
<b>1.1. Từ vựng</b> - Các lớp từ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu thế nào là thuật ngữ.</li> <li>- Biết cách sử dụng thuật ngữ, đặc biệt trong văn bản khoa học.</li> <li>- Biết các lỗi thường gặp và cách sửa lỗi dùng thuật ngữ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.</li> <li>- Biết vai trò của các từ mượn trong việc tạo các thuật ngữ tiếng Việt.</li> <li>- Nhận biết và biết cách tìm nghĩa của thuật ngữ được sử dụng trong các văn bản.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa và biết cách sử dụng từ Hán Việt thông dụng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nghĩa, cách sử dụng các từ Hán Việt được chú thích trong các văn bản.</li> <li>- Biết nghĩa 50 yếu tố Hán Việt thông dụng xuất hiện nhiều trong các văn bản học ở lớp 9.</li> </ul>
- Mở rộng và trau dồi vốn từ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển của vốn từ vựng tiếng Việt.</li> <li>- Biết các phương thức phát triển vốn từ cơ bản của tiếng Việt: phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc, phương thức ẩn dụ và phương thức hoán dụ, mượn từ ngữ nước ngoài, tạo từ ngữ mới.</li> <li>- Biết cách trau dồi vốn từ.</li> <li>- Biết các lỗi thường gặp và cách sửa chữa lỗi dùng từ trong nói và viết.</li> </ul>	<p>Hiểu rõ nghĩa của từ và biết cách sử dụng từ đúng ý nghĩa, đúng phong cách, phù hợp với đối tượng giao tiếp, mục đích giao tiếp.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><b>1.2. Ngữ pháp</b></p> <p>- Các thành phần câu</p>	<p>- Hiểu thế nào là khởi ngữ và các thành phần biệt lập (thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú, thành phần tình thái, thành phần cảm thán).</p> <p>- Nhận biết và hiểu tác dụng của thành phần khởi ngữ và các thành phần biệt lập trong văn bản.</p> <p>- Biết cách sử dụng khởi ngữ và các thành phần biệt lập trong nói và viết.</p>	<p>- Nắm được đặc điểm, tác dụng duy trì quan hệ giao tiếp trong hội thoại của khởi ngữ và các thành phần biệt lập (thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú, thành phần tình thái, thành phần cảm thán trong câu).</p> <p>- Biết cách tạo câu có khởi ngữ và các thành phần biệt lập: thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú, thành phần tình thái, thành phần cảm thán.</p>
<p>- Nghĩa tường minh và hàm ý</p>	<p>- Hiểu thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý.</p> <p>- Biết điều kiện sử dụng hàm ý trong câu.</p> <p>- Biết cách sử dụng hàm ý phù hợp với tình huống giao tiếp.</p>	<p>- Nhận biết và hiểu tác dụng của nghĩa tường minh và hàm ý trong văn bản.</p> <p>- Biết điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến người nói (viết), người nghe (đọc).</p>
<p><b>1.3. Hoạt động giao tiếp</b></p>	<p>- Hiểu thế nào là các phương châm hội thoại.</p> <p>- Biết vận dụng các phương châm hội thoại vào thực tiễn giao tiếp.</p>	<p>- Biết tuân thủ các phương châm về lượng, phương châm về chất, phương châm quan hệ, phương châm cách thức, phương châm lịch sự trong giao tiếp.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết cách xưng hô trong hội thoại.	- Nhận biết và sửa được các lỗi không tuân thủ phương châm hội thoại trong giao tiếp. Biết các từ ngữ xưng hô và sử dụng từ ngữ xưng hô phù hợp với đối tượng và tình huống giao tiếp.
	- Hiểu thế nào là cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp. - Nhận biết và hiểu tác dụng của cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong các văn bản. - Biết chuyển đổi câu theo lối dẫn trực tiếp và gián tiếp.	
<b>2. Tập làm văn</b>		
<b>2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản</b>	- Hiểu thế nào là phép phân tích và tổng hợp. - Nhận biết và hiểu tác dụng của phép phân tích và tổng hợp trong các văn bản nghị luận. - Biết cách sử dụng phép phân tích và tổng hợp trong tạo lập văn bản nghị luận.	- Nhớ đặc điểm, tác dụng của phép phân tích và tổng hợp. - Biết viết đoạn văn, bài văn nghị luận theo phép phân tích và tổng hợp.
	- Hiểu tác dụng của liên kết câu và liên kết đoạn văn.	- Hiểu đoạn văn, bài văn phải có liên kết chặt chẽ về nội dung (liên kết chủ đề, liên kết lôgic) và liên kết hình thức (phép lặp từ ngữ, đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng, phép thế và phép nối).



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng các phép liên kết trong viết và nói.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các phép liên kết trong các văn bản nghị luận.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn nghị luận có sử dụng các phép liên kết đã học.</li> </ul>
<p><b>2.2. Các kiểu văn bản</b></p> <p>- <i>Tự sự</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hóa những hiểu biết cơ bản về văn bản tự sự: đặc điểm, nội dung, hình thức, cách tạo lập, cách tóm tắt.</li> <li>- Hiểu vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm và lập luận; người kể và ngôi kể; đối thoại và độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn tự sự.</li> <li>- Biết viết đoạn văn, bài văn tự sự có các yếu tố miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận và chuyển đổi ngôi kể.</li> <li>- Biết trình bày miệng đoạn văn, bài văn tự sự có sự kết hợp với các yếu tố miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận và chuyển đổi ngôi kể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết viết đoạn văn tóm tắt văn bản tự sự.</li> <li>- Biết viết đoạn văn tự sự có độ dài trên 90 chữ, bài văn tự sự có độ dài khoảng 450 chữ theo chủ đề cho trước có kết hợp các yếu tố miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận và chuyển đổi ngôi kể.</li> </ul>
<p>- <i>Nghị luận</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống hóa những hiểu biết cơ bản về văn bản nghị luận: đặc điểm, nội dung, hình thức, cách tạo lập, cách tóm tắt.</li> <li>- Hiểu thế nào là bài nghị luận về một sự việc,</li> </ul>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>hiện tượng đời sống; về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, về một tác phẩm (hoặc đoạn trích) truyện, về một bài thơ (hoặc đoạn thơ).</p> <p>- Nắm được yêu cầu, bố cục, cách xây dựng đoạn và lời văn trong bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, về một tác phẩm (hoặc đoạn trích) truyện, về một bài thơ (hoặc đoạn thơ).</p> <p>- Biết viết, trình bày bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; về một vấn đề tư tưởng, đạo lí, về một tác phẩm (hoặc đoạn trích) truyện, về một bài thơ (hoặc đoạn thơ).</p>	<p>Biết viết bài văn có độ dài khoảng 450 chữ nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống; nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí gần gũi, về một tác phẩm (hoặc đoạn trích) truyện, về một bài thơ (hoặc đoạn thơ) đã học.</p>
<p>- <i>Thuyết minh</i></p>	<p>- Hệ thống hóa những hiểu biết về văn thuyết minh: đặc điểm, nội dung, hình thức, cách thức làm bài văn thuyết minh.</p> <p>- Hiểu vai trò, cách đưa các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả vào văn bản thuyết minh.</p> <p>- Biết viết, trình bày bài văn thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.</p>	<p>Biết viết bài văn thuyết minh có độ dài khoảng 300 chữ có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả.</p>
<p>- <i>Hành chính - công vụ</i></p>	<p>- Hiểu thế nào là biên bản, hợp đồng, thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.</p> <p>- Biết cách viết biên bản, hợp đồng, thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi thông dụng theo mẫu.</p>	<p>Nhớ đặc điểm biên bản, hợp đồng, thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2.3. Hoạt động ngữ văn	Hiểu thế nào là thơ tám chữ.	Biết cách gieo vần, tạo câu, ngắt nhịp thơ tám chữ.
<b>3. Văn học</b>		
<p><b>3.1. Văn bản</b></p> <p>- Văn bản văn học</p> <p>+ Truyện trung đại Việt Nam</p>	<p>- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (hoặc trích đoạn) truyện trung đại Việt Nam (<i>Nam Xương nữ tử truyện</i> - Nguyễn Dữ; <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i> - Ngô gia văn phái; <i>Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh</i> - Phạm Đình Hổ): sự kiện lịch sử, số phận và tâm tư con người; nghệ thuật xây dựng nhân vật, tái hiện sự kiện, sử dụng điển cố, điển tích,...</p> <p>- Bước đầu hiểu một số đặc điểm về thể loại truyện chương hồi, tùy bút trung đại.</p> <p>- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số trích đoạn truyện thơ trung đại Việt Nam (<i>Chị em Thúy Kiều</i>, <i>Cảnh ngày xuân</i>, <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>, <i>Mã Giám Sinh mua Kiều</i> - Nguyễn Du; <i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i>,</p>	<p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và nét đặc sắc của từng tác phẩm (hoặc trích đoạn) truyện: cách tái hiện những sự kiện và nhân vật lịch sử (<i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i>, <i>Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh</i>); cách xây dựng nhân vật có tính khái quát cho số phận và bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ (<i>Nam Xương nữ tử truyện</i>).</p> <p>- Đọc thuộc lòng 2 đoạn văn ngắn trong các truyện trung đại đã học.</p> <p>- Nhớ được nội dung, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và nét đặc sắc của từng trích đoạn: nghệ thuật tự sự kết hợp với trữ tình, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ điêu luyện và đặc biệt là nghệ thuật tả cảnh (<i>Cảnh ngày xuân</i>); nghệ thuật tả người (<i>Chị em</i></p>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p><i>Lục Vân Tiên gặp nạn</i> - Nguyễn Đình Chiểu): tình thần nhân văn, số phận và khát vọng hạnh phúc của con người, ước mơ về tự do, công lí, sự phê phán những thế lực hắc ám trong xã hội phong kiến; nghệ thuật tự sự.</p> <p>- Bước đầu hiểu về thể loại truyện thơ Nôm và một số đóng góp lớn của truyện thơ trung đại vào sự phát triển của văn học dân tộc.</p>	<p><i>Thúy Kiều, Mã Giám Sinh mua Kiều</i>); nghệ thuật tả tâm trạng (<i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>); nghệ thuật tự sự trong thơ, nghệ thuật khắc họa nhân vật, cách dùng ngôn ngữ bình dị, dân dã (<i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên gặp nạn</i>).</p> <p>- Đọc thuộc lòng 3 trích đoạn <i>Truyện Kiều</i> và <i>Lục Vân Tiên</i> đã học.</p>
<p>+ <i>Truyện Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945</i></p>	<p>- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (trích đoạn) truyện Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 (<i>Làng</i> - Kim Lân; <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> - Nguyễn Thành Long; <i>Chiếc lược ngà</i> - Nguyễn Quang Sáng; <i>Bến quê</i> - Nguyễn Minh Châu; <i>Những ngôi sao xa xôi</i> - Lê Minh Khuê): tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tình cảm nhân văn, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, xây dựng nhân vật, sắp xếp tình tiết, chọn lọc ngôn ngữ.</p>	<p>- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và nét đặc sắc của từng truyện: tình yêu quê hương (<i>Làng</i>), tình cảm cha con sâu nặng (<i>Chiếc lược ngà</i>); những tấm gương lao động quên mình vì Tổ quốc (<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>), tinh thần dũng cảm, sự hi sinh của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường lửa những năm chống Mĩ (<i>Những ngôi sao xa xôi</i>), những triết lí đơn giản mà sâu sắc về cuộc sống con người (<i>Bến quê</i>).</p> <p>- Nhớ một số chi tiết đặc sắc trong các truyện đã học.</p> <p>- Kết hợp với chương trình địa phương: học một</p>



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết đặc điểm và những đóng góp của truyện Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 vào nền văn học dân tộc.	số truyện Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 của địa phương.
+ <i>Truyện nước ngoài</i>	- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm (hoặc trích đoạn) truyện nước ngoài ( <i>Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang</i> - Đ. Đi-phô; <i>Bố của Xi-mông</i> - G. Mô-pa- xăng; <i>Con chó Bắc</i> - G. Lân-đơn; <i>Cố hương</i> - Lỗ Tấn, <i>Những đứa trẻ</i> - M. Go-rơ-ki); tình cảm nhân văn, nghệ thuật xây dựng tình huống, nghệ thuật miêu tả và kể chuyện,...	- Nhớ được cốt truyện, nhân vật, sự kiện, ý nghĩa và nét đặc sắc của từng truyện: bức chân dung tự họa và bản lĩnh sống của chàng Rô-bin-xơn ( <i>Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang</i> ); khát vọng tình yêu thương, hạnh phúc, nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật ( <i>Bố của Xi-mông</i> ; <i>Con chó Bắc</i> ; <i>Những đứa trẻ</i> ); sự lên án xã hội phong kiến, tình quê hương và niềm tin vào cuộc sống mới tươi sáng ( <i>Cố hương</i> ). - Nhớ một số tình tiết, hình ảnh độc đáo trong các truyện đã học.
+ <i>Thơ hiện đại Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 và thơ nước ngoài</i>	- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số bài thơ hiện đại Việt Nam sau 1945 và nước ngoài ( <i>Đồng chí</i> - Chính Hữu; <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> - Huy Cận; <i>Bếp lửa</i> - Bằng Việt; <i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i> - Nguyễn Khoa Điềm; <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> - Phạm Tiến Duật; <i>Viếng lăng Bác</i> - Viễn	- Hiểu nét độc đáo của từng bài thơ: tình yêu đất nước và tinh thần cách mạng ( <i>Đồng chí</i> ; <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> ); tình cảm gia đình hòa quyện với tình yêu quê hương đất nước ( <i>Bếp lửa</i> ; <i>Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ</i> ; <i>Nói với con</i> ; <i>Con cò</i> ; <i>Mây và sóng</i> ); cảm hứng về lao động ( <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> ); lòng thành

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Phương; <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> - Thanh Hải; <i>Ánh trăng</i> - Nguyễn Duy; <i>Con cò</i> - Chế Lan Viên; <i>Nói với con</i> - Y Phương; <i>Sang thu</i> - Hữu Thỉnh; <i>Mây và sóng</i> - Ta-go); tình cảm cao đẹp, tư tưởng nhân văn, cảm hứng đa dạng trước cuộc sống mới, nghệ thuật biểu cảm, ngôn ngữ tinh tế.</p> <p>- Bước đầu khái quát được những thành tựu, đóng góp của thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945 đối với văn học dân tộc.</p>	<p>kính và tình yêu lãnh tụ (<i>Viếng lăng Bác</i>); cảm nhận tinh tế về thiên nhiên và những suy ngẫm về cuộc đời (<i>Mùa xuân nho nhỏ</i>; <i>Ánh trăng</i>; <i>Sang thu</i>).</p> <p>- Đọc thuộc lòng ít nhất 4 bài (đoạn) thơ đã học. - Kết hợp với chương trình địa phương: học một số bài thơ sau Cách mạng tháng Tám 1945 của địa phương.</p>
<p>+ <i>Kịch hiện đại Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945</i></p>	<p>- Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của hai trích đoạn kịch hiện đại (hội bốn vợ <i>Bắc Sơn</i> - Nguyễn Huy Tưởng; cảnh ba vợ <i>Tôi và chúng ta</i> - Lưu Quang Vũ); phản ánh và giải quyết các mâu thuẫn trong cuộc sống hiện đại, nghệ thuật xây dựng xung đột kịch, lời thoại, hành động nhân vật.</p> <p>- Bước đầu khái quát được những thành tựu đóng góp của kịch hiện đại đối với văn học dân tộc.</p>	<p>Hiểu nét đặc sắc của từng đoạn trích: nghệ thuật xây dựng tình huống kịch bộc lộ xung đột giữa cách mạng và phản cách mạng, nghệ thuật khắc họa diễn biến nội tâm nhân vật (hội bốn vợ <i>Bắc Sơn</i>); nghệ thuật tạo tình huống và phát triển mâu thuẫn qua sự xung đột giữa 2 tuyến nhân vật bảo thủ và cấp tiến ở một nhà máy (cảnh ba vợ <i>Tôi và chúng ta</i>).</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
+ <i>Nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài</i>	<p>- Hiểu, cảm nhận được nghệ thuật lập luận, ý nghĩa thực tiễn và giá trị nội dung của các tác phẩm nghị luận hiện đại (<i>Bàn về đọc sách</i> - Chu Quang Tiềm; <i>Tiếng nói của văn nghệ</i> - Nguyễn Đình Thi; <i>Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới</i> - Vũ Khoan).</p> <p>- Phân biệt được nghị luận xã hội và nghị luận văn học.</p>	<p>Hiểu nét đặc sắc của từng văn bản: lời bàn xác đáng, có lí lẽ và dẫn chứng sinh động về lợi ích của việc đọc sách (<i>Bàn về đọc sách</i>); cách lập luận chặt chẽ và giàu hình ảnh về sức mạnh và khả năng kì diệu của văn nghệ (<i>Tiếng nói của văn nghệ</i>); lời văn sắc sảo, giàu sức thuyết phục về sự chuẩn bị những đức tính, thói quen tốt của người Việt Nam trong kỉ nguyên mới (<i>Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới</i>).</p>
- <i>Văn bản nhật dụng</i>	<p>- Hiểu, cảm nhận được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một số văn bản nhật dụng phản ánh những vấn đề hội nhập và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, chiến tranh và hòa bình, quyền trẻ em.</p> <p>- Xác định được thái độ ứng xử đúng đắn với các vấn đề trên.</p> <p>- Bước đầu hiểu sự đan xen các phương thức biểu đạt, nghệ thuật trình bày thuyết phục, có tác dụng thúc đẩy hành động người đọc của các văn bản nhật dụng.</p>	



CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<b>3.2. Lịch sử văn học và lí luận văn học</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu khái quát về lịch sử văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử.</li> <li>- Biết một số nét về thân thế, sự nghiệp, vị trí của một số tác giả văn học trung đại và văn học hiện đại Việt Nam có tác phẩm được học trong chương trình.</li> <li>- Hệ thống hóa một số khái niệm lí luận văn học thường gặp trong phân tích, tiếp nhận các văn bản văn học đã học.</li> <li>- Bước đầu nhận biết về một vài đặc điểm của các thể loại: truyện truyền kì, truyện thơ, truyện hiện đại, thơ tự do, thơ hiện đại, nghị luận chính trị - xã hội, nghị luận văn học.</li> </ul>	

#### IV. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

##### 1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

Môn học Ngữ văn có mục tiêu hoàn thiện kiến thức cơ sở về từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt; cung cấp kiến thức về văn bản văn học, lí luận văn học; hình thành ở học sinh năng lực tiếp nhận và tạo lập các kiểu văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, lập luận, thuyết minh và hành chính - công vụ.

Chương trình môn Ngữ văn Trung học cơ sở xây dựng theo nguyên tắc tích hợp. Theo yêu cầu tích hợp dọc, chương trình được chia thành hai vòng: vòng 1 gồm các lớp 6 và 7, vòng 2 gồm các lớp 8 và 9. Một số kiểu văn bản đã học ở



vòng 1 được tiếp tục học ở vòng 2 với yêu cầu cao hơn. Yêu cầu về đọc - hiểu văn bản và tạo lập văn bản ở vòng 2 cũng cao hơn so với vòng 1.

Theo yêu cầu tích hợp ngang, chương trình lấy các kiểu văn bản đọc làm trục chính để liên kết nội dung học tập ở cả ba phần Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn.

## 2. Về phương pháp dạy học

Để thực hiện tư tưởng dạy học tập trung vào người học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập, chương trình coi trọng phương pháp tổ chức hoạt động học tập phù hợp với đặc trưng bộ môn, với độ tuổi của học sinh. Ở Trung học cơ sở, các biện pháp dạy học tích cực được vận dụng là thực hành giao tiếp, phân tích ngôn ngữ, thảo luận, giải quyết vấn đề.

Chương trình coi trọng cả ba hình thức tổ chức học tập: học theo lớp, học theo nhóm, học cá nhân. Hình thức học theo nhóm tạo nhiều điều kiện cho học sinh hợp tác, học hỏi nhau trong quá trình tìm hiểu, vận dụng kiến thức và rèn luyện kỹ năng.

Khi sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, cần tránh khuynh hướng tuyệt đối hóa một vài phương pháp hoặc một hình thức tổ chức dạy học. Cần vận dụng linh hoạt một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong mỗi bài học để khơi dậy được niềm hứng thú học tập ở học sinh.

Việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn đi đôi với đổi mới phương tiện, thiết bị dạy học. Các phương tiện và thiết bị phục vụ cho môn Ngữ văn bao gồm: vở bài tập, sách công cụ, tranh ảnh, các đồ dùng học tập khác (được cung cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc do học sinh và giáo viên tự làm)... Trong số các phương tiện, thiết bị học tập Ngữ văn, máy vi tính là một phương tiện giúp học sinh có điều kiện tiếp cận với công nghệ thông tin để tự học.

## 3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Có hai phương thức cơ bản để đánh giá kết quả học tập Ngữ văn của học sinh: *một là* đánh giá thường xuyên, được

thực hiện trong từng bài học, từng chương hoặc từng phần; hai là đánh giá định kì, được thực hiện vào giữa học kì, cuối học kì, cuối năm học, cấp học.

Việc đánh giá chất lượng học tập Ngữ văn của học sinh căn cứ trên chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình môn học. Việc đánh giá thái độ của học sinh được kết hợp trong đánh giá kiến thức và kỹ năng. Dựa trên chuẩn, các nội dung đánh giá được xác định và chuyển thành đề kiểm tra thường xuyên và định kì, trong đó có những phần đánh giá về kiến thức Tiếng Việt, Văn học và Tập làm văn, có những phần đánh giá về kỹ năng đọc, viết, nghe, nói, phân tích và cảm thụ văn học.

Việc đổi mới cách đánh giá thể hiện ở mục đích, công cụ và chủ thể đánh giá; cụ thể là:

- Việc đánh giá kết quả học tập Ngữ văn không chỉ nhằm phân loại học lực của học sinh mà còn nhằm cung cấp thông tin phản hồi về quá trình dạy học để giáo viên, các cán bộ quản lí giáo dục điều chỉnh nội dung chương trình và sách giáo khoa, thiết bị dạy học, phương pháp dạy học,...

- Chương trình kết hợp các biện pháp đánh giá bằng bài tự luận, bài trắc nghiệm khách quan và bảng quan sát của giáo viên, nhằm đảm bảo độ chính xác, tin cậy của hoạt động đánh giá.

- Chủ thể đánh giá không chỉ là giáo viên mà còn là học sinh. Học sinh tự đánh giá kết quả học tập của mình, của bạn, để hoàn thành một chu trình học tập mang tính tự học. Giáo viên giúp học sinh hiểu tiêu chuẩn đánh giá để có thể tự đánh giá.

Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện sau mỗi bài học, phân học bằng kiểm tra vấn đáp hoặc kiểm tra viết do giáo viên trực tiếp thực hiện trong giờ học ở tất cả các lớp.

Việc đánh giá theo quy định chung được tiến hành như sau:

Trong mỗi năm học, học sinh phải viết ít nhất 10 bài kiểm tra 1 tiết hoặc hơn 1 tiết, cụ thể là: 1 bài kiểm tra kiến thức Tiếng Việt, 1 bài kiểm tra kiến thức về văn bản văn học, 6 bài kiểm tra Tập làm văn, 2 bài kiểm tra tổng hợp các kiến thức và kỹ năng về Tiếng Việt, Tập làm văn và Văn học (mỗi học kì có 1 bài kiểm tra tổng hợp).

#### 4. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

Chương trình này được sử dụng thống nhất trong cả nước. Tuy nhiên các trường và các địa phương có thể vận dụng chương trình cho phù hợp với đặc điểm của trường, của vùng miền, phù hợp với từng đối tượng học sinh theo sự hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học sinh khuyết tật sẽ được học theo các tài liệu riêng, biên soạn căn cứ trên chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình này.

Đối với học sinh có năng lực đặc biệt về Ngữ văn, bên cạnh việc học theo chương trình này, các em còn được hướng dẫn học theo những tài liệu bồi dưỡng năng lực Ngữ văn (theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để các em vừa đạt yêu cầu của chương trình, vừa được phát triển khả năng của cá nhân.